THPT Buôn Ma Thuột
Năm học 2018 - 2019
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Số 8

BUỔI SÁNG

Thực hiện từ ngày 01 tháng 04 năm 2019

THỨ	TIẾT	10A1 (Huy)	10A2 (Hoang Anh)	10A3 (Đ.Ngọc)	10A4 (N.Thủy)	10B1 (Chi_Van)	10B2 (Lâm)	10B3 (Hà_Hóa)	10B4 (Dũng_AV)	10B5 (Hường)	10B6 (Oanh)
2	1	ChCờ - Huy	ChCờ - Hoang Anh	ChCờ - Đ.Ngọc	ChCờ - N.Thủy	ChCờ - Chi_Van	ChCờ - Lâm	ChCờ - Hà_Hóa	ChCờ - Dũng_AV	ChCờ - Hường	ChCờ - Oanh
	2	SHL - Huy	SHL - Hoang Anh	SHL - Đ.Ngọc	SHL - N.Thủy	SHL - Chi_Van	SHL - Lâm	SHL - Hà_Hóa	SHL - Dũng_AV	SHL - Hường	SHL - Oanh
	3	GDCD - Loan	Anh - Hoang Anh	Lí - Tòng	Sinh - Đ.Ngọc	Toán - Huy	Sử - Lương	Toán - Thái_HT	Hóa - Uyên	CNghệ - K.Anh	Toán - Lâm
	4	Lí - Tòng	Anh - Hoang Anh	Văn - Chi_Van	Toán - N.Thủy	Toán - Huy	Toán - Lâm	Toán - Thái_HT	Văn - Thùy	Hóa - Uyên	Lí - Huyền_VL
	5	Toán - Huy	CNghệ - Q.Châu	Văn - Chi_Van	Toán - N.Thủy	Sử - Lương	Toán - Lâm	GDCD - Loan	CNghệ - K.Anh	Văn - Hường	Hóa - Dung
3	1	Địa - Tiến	Sử - Nhung_Sử	Toán - Dần	Anh - Đạt	Lí - Dũng_VL	Hóa - Trang_Hóa	Văn - Minh_Văn	CNghệ - K.Anh	Văn - Hường	Văn - Thùy
	2	Sử - Lương	Địa - Tiến	Toán - Dần	Anh - Đạt	CNghệ - Tâm_Sinh	Hóa - Trang_Hóa	Văn - Minh_Văn	Anh - Dũng_AV	Văn - Hường	Văn - Thùy
	3	Hóa - B.Tâm	Toán - Dần	Địa - Tiến	Văn - Lan	GDCD - Loan	Anh - Phong	Lí - H.Châu	Lí - Huyền_VL	CNghệ - K.Anh	Sử - Lương
	4	Sinh - Đ.Ngọc	Toán - Dần	Hóa - B.Tâm	Văn - Lan	Sử - Lương	Anh - Phong	Hóa - Hà_Hóa	Sử - Nhung_Sử	Sinh - Lành	Hóa - Dung
	5										
4	1	Toán - Huy	Toán - Dần	Sinh - Đ.Ngọc	Hóa - L.Hoàng	Anh - Phong	Sinh - Tâm_Sinh	CNghệ - Thành_Sinh	Lí - Huyền_VL	Sử - Nhung_Sử	Địa - Thương
	2	Toán - Huy	Toán - Dần	Sử - Lương	Lí - Dũng_VL	Anh - Phong	CNghệ - Tâm_Sinh	Văn - Minh_Văn	Sử - Nhung_Sử	Địa - Thương	Anh(Pháp) - Chi_AV, Oanh
	3	Sử - Lương	Văn - Lan	Lí - Tòng	Lí - Dũng_VL	Văn - Chi_Van	Toán - Lâm	Sử - Nhung_Sử	GDCD - Loan	Lí - Ngọc_VL	Văn - Thùy
	4	Lí - Tòng	Lí - Hào	CNghệ - Thành_Sinh	Văn - Lan	Văn - Chi_Van	Lí - H.Châu	Anh - Hoa	Văn - Thùy	Anh - Chi_AV	Toán - Lâm
	5	Anh - Đạt	CNghệ - Q.Châu	Văn - Chi_Van	Địa - Tiến	Sinh - Tâm_Sinh	Lí - H.Châu	Anh - Hoa	Văn - Thùy	Anh - Chi_AV	Lí - Huyền_VL
5	1	Toán - Huy	Lí - Hào	Anh - Hoang Anh	Toán - N.Thủy	Anh - Phong	Sử - Lương	Hóa - Hà_Hóa	Sinh - Lành	Hóa - Uyên	Lí - Huyền_VL
	2	Toán - Huy	Lí - Hào	Toán - Dần	Anh - Đạt	Hóa - Trang_Hóa	Địa - Thương	CNghệ - Thành_Sinh	Hóa - Uyên	Lí - Ngọc_VL	GDCD - Loan
	3	Anh - Đạt	Toán - Dần	Sử - Lương	CNghệ - Thành_Sinh	Toán - Huy	GDCD - Loan	Toán - Thái_HT	Toán - Trang_Toán	Toán - N.Thủy	Sinh - Lành
	4	Anh - Đạt	Anh - Hoang Anh	Hóa - B.Tâm	GDCD - Loan	Toán - Huy	Anh - Phong	Toán - Thái_HT	Toán - Trang_Toán	Toán - N.Thủy	Sử - Lương
	5										
6	1	Văn - Huệ	Hóa - L.Hoàng	GDCD - Loan	Sử - Nhung_Sử	CNghệ - Tâm_Sinh	Toán - Lâm	Anh - Hoa	Toán - Trang_Toán	Toán - N.Thủy	Anh(Pháp) - Chi_AV, Oanh
	2	Văn - Huệ	Sử - Nhung_Sử	Toán - Dần	Hóa - L.Hoàng	Địa - Thương	CNghệ - Tâm_Sinh	Văn - Minh_Văn	Toán - Trang_Toán	Toán - N.Thủy	Anh(Pháp) - Chi_AV, Oanh
	3	Lí - Tòng	Văn - Lan	Toán - Dần	CNghệ - Thành_Sinh	Anh - Phong	Văn - Hường	Sinh - Tâm_Sinh	Hóa - Uyên	Lí - Ngọc_VL	Toán - Lâm
	4	Hóa - B.Tâm	Văn - Lan	Lí - Tòng	Toán - N.Thủy	Văn - Chi_Van	Văn - Hường	Sử - Nhung_Sử	Anh - Dũng_AV	Hóa - Uyên	Toán - Lâm
	5	CNghệ - Q.Châu	GDCD - Loan	CNghệ - Thành_Sinh	Toán - N.Thủy	Văn - Chi_Van	Anh - Phong	Địa - Thương	Anh - Dũng_AV	Anh - Chi_AV	CNghệ - K.Anh
7	1	CNghệ - Q.Châu	Hóa - L.Hoàng	Anh - Hoang Anh	Sử - Nhung_Sử	Lí - Dũng_VL	Văn - Hường	Anh - Hoa	Địa - Thương	GDCD - Loan	CNghệ - K.Anh
	2	Văn - Huệ	Sinh - Đ.Ngọc	Anh - Hoang Anh	Lí - Dũng_VL	Hóa - Trang_Hóa	Văn - Hường	Lí - H.Châu	Lí - Huyền_VL	Sử - Nhung_Sử	Hóa - Dung
	3										
	4										
	5										

THPT Buôn Ma Thuột
Năm học 2018 - 2019
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Số 8

BUỔI SÁNG

Thực hiện từ ngày 01 tháng 04 năm 2019

THỨ	TIẾT	10B7 (K.Anh)	10B8 (Thương)	10B9 (Sâm_Lý)	11A1 (Yên)	11A2 (Phú)	11A3 (Trần Thuỷ)	11A4 (Hoa)	11B1 (Chi_AV)	11B2 (Hằng_AV)	11B3 (Q.Châu)
2	1	ChCờ - K.Anh	ChCờ - Thương	ChCờ - Sâm_Lý	ChCờ - Yên	ChCờ - Phú	ChCờ - Trần Thuỷ	ChCờ - Hoa	ChCờ - Chi_AV	ChCờ - Hằng_AV	ChCờ - Q.Châu
	2	SHL - K.Anh	SHL - Thương	SHL - Sâm_Lý	SHL - Yên	SHL - Phú	SHL - Trần Thuỷ	SHL - Hoa	SHL - Chi_AV	SHL - Hằng_AV	SHL - Q.Châu
	3	Sử - Nhung_Sử	Lí - Lý	Hóa - Hà_Hóa	Toán - Phú	Địa - Thảo_Địa	Toán - Trần Thuỷ	Sinh - Cường	Sinh - Q.Châu	CNghệ - H.Châu	Anh - Đạt
	4	Địa - Thương	CNghệ - K.Anh	Sử - Lương	Sinh - Cường	Toán - Phú	GDCD - Loan	Địa - Hner	Anh - Chi_AV	Sinh - Q.Châu	Anh - Đạt
	5	Lí - Lý	Sử - Nhung_Sử	Sinh - Cường	Anh - Huyền_AV	Toán - Phú	Sử - Lộc	Toán - Trần Thuỷ	Anh - Chi_AV	Anh - Hằng_AV	Văn - Thùy
3	1	GDCD - Loan	Văn - Huệ	Lí - Sâm_Lý	Hóa - P.Tâm	Toán - Phú	Sinh - Cường	Toán - Trần Thuỷ	Anh - Chi_AV	Anh - Hằng_AV	Sử - Hải
	2	CNghệ - K.Anh	GDCD - Loan	Văn - Huệ	CNghệ - Hưng	Toán - Phú	Hóa - P.Tâm	Toán - Trần Thuỷ	Anh - Chi_AV	Sử - Lộc	Lí - Sơn
	3	Sử - Nhung_Sử	Sinh - Cường	Anh - Hằng_AV	Lí - Yên	Sử - Hải	CNghệ - Hưng	Hóa - Trang_Hóa	Văn - Mai	Văn - Huệ	Toán - Thái
	4	Sinh - Cường	CNghệ - K.Anh	Anh - Hằng_AV	Toán - Phú	CNghệ - Hưng	Lí - Dũng_VL	Hóa - Trang_Hóa	Văn - Mai	Văn - Huệ	Toán - Thái
	5				Toán - Phú	Sinh - Cường	Lí - Dũng_VL	GDCD - Loan			
4	1	Sinh - Cường	Anh - Hằng_AV	Sử - Lương	CNghệ - Hưng	Văn - Huệ	Địa - Thảo_Địa	Anh - Hoa	Toán - Mỹ	Lí - Tịch	Hóa - Quỳnh_Hóa
	2	Lí - Lý	Anh - Hằng_AV	Sinh - Cường	Văn - Nhân	Văn - Huệ	Hóa - P.Tâm	Lí - Tịch	Toán - Mỹ	Hóa - L.Hoàng	Văn - Thùy
	3	Hóa - L.Hoàng	Văn - Huệ	Anh - Hằng_AV	Sử - Hải	CNghệ - Hưng	Sinh - Cường	Văn - Phụng	Lí - Tịch	CNghệ - H.Châu	Sinh - Q.Châu
	4	Toán - Phương	Văn - Huệ	Địa - Thương	Hóa - P.Tâm	Lí - Tịch	Văn - M.Hương	Hóa - Trang_Hóa	GDCD - Loan	Anh - Hằng_AV	Anh - Đạt
	5	Toán - Phương	Địa - Thương	Lí - Sâm_Lý	GDCD - Loan	Lí - Tịch	Văn - M.Hương	Sử - Lộc	Văn - Mai	Anh - Hằng_AV	CNghệ - Hào
5	1	Văn - Minh_Văn	Hóa - Quỳnh_Hóa	Toán - Phương	Văn - Nhân	Toán - Phú	Văn - M.Hương	Anh - Hoa	Hóa - L.Hoàng	Lí - Tịch	Anh - Đạt
	2	Toán - Phương	Hóa - Quỳnh_Hóa	Hóa - Hà_Hóa	Văn - Nhân	Hóa - Đ.Hoàng	Lí - Dũng_VL	Anh - Hoa	CNghệ - Hưng	Hóa - L.Hoàng	Địa - Hner
	3	Hóa - L.Hoàng	Toán - Phương	Văn - Huệ	Toán - Phú	Anh - Tình	Anh - Huyền_AV	CNghệ - Hưng	Toán - Mỹ	Toán - L.Thủy	CNghệ - Hào
	4	Hóa - L.Hoàng	Toán - Phương	Văn - Huệ	Toán - Phú	Anh - Tình	Anh - Huyền_AV	Lí - Tịch	Toán - Mỹ	Toán - L.Thủy	Toán - Thái
	5										
6	1	Anh - Dũng_AV	Toán - Phương	Hóa - Hà_Hóa	Sinh - Cường	Lí - Tịch	Hóa - P.Tâm	Toán - Trần Thuỷ	CNghệ - Hưng	Toán - L.Thủy	Hóa - Quỳnh_Hóa
	2	Anh - Dũng_AV	Toán - Phương	CNghệ - K.Anh	Địa - Thảo_Địa	Sinh - Cường	Anh - Huyền_AV	Toán - Trần Thuỷ	Sinh - Q.Châu	Toán - L.Thủy	GDCD - Loan
	3	CNghệ - K.Anh	Sử - Nhung_Sử	GDCD - Loan	Anh - Huyền_AV	Anh - Tình	CNghệ - Hưng	Sinh - Cường	Hóa - L.Hoàng	Sinh - Q.Châu	Lí - Sơn
	4	Văn - Minh_Văn	Hóa - Quỳnh_Hóa	Toán - Phương	Anh - Huyền_AV	GDCD - Loan	Toán - Trần Thuỷ	CNghệ - Hưng	Lí - Tịch	Văn - Huệ	Sinh - Q.Châu
	5	Văn - Minh_Văn	Sinh - Cường	Toán - Phương	Hóa - P.Tâm	Hóa - Đ.Hoàng	Toán - Trần Thuỷ	Lí - Tịch	Văn - Mai	Văn - Huệ	Toán - Thái
7	1	Anh - Dũng_AV	Lí - Lý	Toán - Phương	Lí - Yên	Văn - Huệ	Toán - Trần Thuỷ	Văn - Phụng	Sử - Lộc	Địa - Hner	Văn - Thùy
	2	Toán - Phương	Anh - Hằng_AV	CNghệ - K.Anh	Lí - Yên	Hóa - Đ.Hoàng	Toán - Trần Thuỷ	Văn - Phụng	Địa - Hner	GDCD - Loan	Văn - Thùy
	3										
	4										
	5										

THPT Buôn Ma Thuột
Năm học 2018 - 2019
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Số 8

BUỔI SÁNG

Thực hiện từ ngày 01 tháng 04 năm 2019

THỨ	TIẾT	11B4 (M.Hương)	11B5 (Dung)	11B6 (Loan)	11B7 (Nhung_GDCD)	11B8 (My)	11B9 (Trang_Hóa)	11B10 (Tâm_VL)	11B11 (H.Châu)	11B12 (K.Hương)	12A1 (Uyên)
2	1	ChCờ - M.Hương	ChCờ - Dung	ChCờ - Loan	ChCờ - Nhung_GDCD	ChCờ - My	ChCờ - Trang_Hóa	ChCờ - Tâm_VL	ChCờ - H.Châu	ChCờ - K.Hương	ChCờ - Uyên
	2	SHL - M.Hương	SHL - Dung	SHL - Loan	SHL - Nhung_GDCD	SHL - My	SHL - Trang_Hóa	SHL - Tâm_VL	SHL - H.Châu	SHL - K.Hương	SHL - Uyên
	3	Anh - Hằng_AV	Anh - Tâm_AV	Anh - Huyền_AV	Anh(Pháp) - Chi_AV, Oanh	CNghệ - Huyền_VL	Văn - My	Văn - Phụng	Sử - Lộc	Toán - Khiết	Văn - Nhân
	4	Anh - Hằng_AV	Hóa - Dung	Anh - Huyền_AV	Văn - Phụng	Toán - L.Thủy	Hóa - Trang_Hóa	Lí - Tâm_VL	Sinh - K.Hương	GDCD - Nhung_GDCD	Văn - Nhân
	5	Văn - M.Hương	Sinh - Đ.Ngọc	Lí - Yên	Văn - Phụng	Toán - L.Thủy	Địa - Thương	Lí - Tâm_VL	CNghệ - H.Châu	Lí - Huyền_VL	Hóa - Uyên
3	1	CNghệ - Chi_KTCN	Hóa - Dung	Toán - Điệp	Lí - Huyền_VL	Địa - Thảo_Địa	Lí - Sơn	Toán - Mỹ	Sinh - K.Hương	Anh - Tình	Anh - Phong
	2	Anh - Hằng_AV	CNghệ - Chi_KTCN	Toán - Điệp	Hóa - Hà_Hóa	Sinh - Đ.Ngọc	Anh - Tình	Toán - Mỹ	Toán - Khiết	Lí - Huyền_VL	Anh - Phong
	3	Lí - Sơn	Sinh - Đ.Ngọc	Hóa - Dung	Toán - Mỹ	Toán - L.Thủy	Toán - Điệp	Anh - Tình	Toán - Khiết	Hóa - Hà_Hóa	Sinh - Lành
	4	GDCD - Loan	Toán - Khiết	Sinh - K.Hương	Toán - Mỹ	Toán - L.Thủy	Toán - Điệp	Anh - Tình	CNghệ - H.Châu	CNghệ - Huyền_VL	Lí - Sơn
	5										
4	1	Toán - Điệp	Văn - Phụng	CNghệ - Chi_KTCN	Anh(Pháp) - Chi_AV, Oanh	Văn - My	Lí - Sơn	Anh - Tình	Lí - H.Châu	Văn - Mai	Địa - Tiến
	2	Toán - Điệp	Văn - Phụng	Địa - Thảo_Địa	Lí - Huyền_VL	Văn - My	GDCD - Nhung_GDCD	Hóa - Quỳnh_Hóa	Anh - Tình	Toán - Khiết	Sử - Hải
	3	Văn - M.Hương	Địa - Thảo_Địa	Văn - Mai	Sinh - Đ.Ngọc	Lí - Huyền_VL	Toán - Điệp	Sinh - Thành_Sinh	Anh - Tình	Sinh - K.Hương	Toán - Dần
	4	Địa - Hner	Toán - Khiết	Văn - Mai	Toán - Mỹ	Sinh - Đ.Ngọc	Toán - Điệp	Lí - Tâm_VL	Hóa - Quỳnh_Hóa	Anh - Tình	Toán - Dần
	5	Hóa - Quỳnh_Hóa	Sử - Hải	Sinh - K.Hương	Toán - Mỹ	Hóa - Trang_Hóa	Sinh - Thành_Sinh	CNghệ - Tâm_VL	Văn - Phụng	Anh - Tình	Anh - Phong
5	1	CNghệ - Chi_KTCN	Anh - Tâm_AV	GDCD - Loan	Sử - Lộc	Hóa - Trang_Hóa	Anh - Tình	Toán - Mỹ	Văn - Phụng	Địa - Thương	Lí - Sơn
	2	Lí - Sơn	Anh - Tâm_AV	Anh - Huyền_AV	CNghệ - Chi_KTCN	Lí - Huyền_VL	Anh - Tình	Toán - Mỹ	Văn - Phụng	Toán - Khiết	CNghệ - Tịch
	3	Văn - M.Hương	Toán - Khiết	Sử - Lộc	Hóa - Hà_Hóa	Anh - Hoa	Lí - Sơn	Văn - Phụng	GDCD - Nhung_GDCD	CNghệ - Huyền_VL	Địa - Tiến
	4	Văn - M.Hương	Lí - Sơn	Lí - Yên	GDCD - Nhung_GDCD	CNghệ - Huyền_VL	CNghệ - Hào	Văn - Phụng	Hóa - Quỳnh_Hóa	Hóa - Hà_Hóa	Toán - Dần
	5										
6	1	Sinh - Q.Châu	Văn - Phụng	Toán - Điệp	CNghệ - Chi_KTCN	Văn - My	Sinh - Thành_Sinh	Sử - Hải	Anh - Tình	Văn - Mai	Văn - Nhân
	2	Hóa - Quỳnh_Hóa	Văn - Phụng	Toán - Điệp	Hóa - Hà_Hóa	Anh - Hoa	Sử - Hải	Sinh - Thành_Sinh	Toán - Khiết	Văn - Mai	Lí - Sơn
	3	Toán - Điệp	Anh - Tâm_AV	Văn - Mai	Anh(Pháp) - Chi_AV, Oanh	Anh - Hoa	Văn - My	GDCD - Nhung_GDCD	Toán - Khiết	Hóa - Hà_Hóa	Sinh - Lành
	4	Toán - Điệp	Lí - Sơn	Văn - Mai	Văn - Phụng	GDCD - Nhung_GDCD	Văn - My	CNghệ - Tâm_VL	Địa - Thương	Toán - Khiết	Toán - Dần
	5	Sử - Hải	Toán - Khiết	Anh - Huyền_AV							Toán - Dần
7	1	Anh - Hằng_AV	CNghệ - Chi_KTCN	Hóa - Dung	Sinh - Đ.Ngọc	Lí - Huyền_VL	Hóa - Trang_Hóa	Hóa - Quỳnh_Hóa	Lí - H.Châu	Sử - Hải	GDCD - Nhung_GDCD
	2	Sinh - Q.Châu	GDCD - Nhung_GDCD	CNghệ - Chi_KTCN	Địa - Thảo_Địa	Sử - Lộc	CNghệ - Hào	Địa - Thương	Hóa - Quỳnh_Hóa	Sinh - K.Hương	Hóa - Uyên
	3										
	4										
	5										

8THPT Buôn Ma Thuột
Năm học 2018 - 2019
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Số 8

BUỔI SÁNG

Thực hiện từ ngày 01 tháng 04 năm 2019

THỨ	TIẾT	12A2 (Nhi_Toan)	12A3 (Lộc)	12A4 (Tâm_Sinh)	12B1 (Lương)	12B2 (Hner)	12B3 (Lan)	12B4 (Đ.Hoàng)	12B5 (Nhung_Sử)	12B6 (Lý)	12B7 (Hào)
2	1	ChCờ - Nhi_Toan	ChCờ - Lộc	ChCờ - Tâm_Sinh	ChCờ - Lương	ChCờ - Hner	ChCờ - Lan	ChCờ - Đ.Hoàng	ChCờ - Nhung_Sử	ChCờ - Lý	ChCờ - Hào
	2	SHL - Nhi_Toan	SHL - Lộc	SHL - Tâm_Sinh	SHL - Lương	SHL - Hner	SHL - Lan	SHL - Đ.Hoàng	SHL - Nhung_Sử	SHL - Lý	SHL - Hào
	3	Toán - Nhi_Toan	Địa - Tiến	Văn - Hường	GDCD - Nhung_GDCD	Hóa - Đ.Hoàng	Sinh - K.Hương	Lí - Yên	Địa - Hner	Văn - Lan	Lí - Hào
	4	Địa - Tiến	Toán - Nhi_Toan	Văn - Hường	Địa - Thảo_Địa	Văn - My	Anh - Hoa	Toán - Khiết	Anh - Dũng_AV	Lí - Lý	Anh - Tâm_AV
	5	GDCD - Nhung_GDCD	Toán - Nhi_Toan	Anh - Phong	Anh - Đạt	Văn - My	Anh - Hoa	Toán - Khiết	Anh - Dũng_AV	Địa - Hner	Anh - Tâm_AV
3	1	Văn - My	Anh - Hoang Anh	Sinh - Tâm_Sinh	Sinh - Lành	CNghệ - Hưng	Văn - Lan	Lí - Yên	Anh - Dũng_AV	Toán - Thái	GDCD - Nhung_GDCD
	2	Văn - My	Anh - Hoang Anh	Toán - Trang_Toán	Hóa - B.Tâm	GDCD - Nhung_GDCD	Văn - Lan	Địa - Thảo_Địa	Sử - Nhung_Sử	Toán - Thái	Sử - Hải
	3	Anh - Hoang Anh	Sử - Lộc	Toán - Trang_Toán	Lí - Dũng_VL	Anh - Hồng	Địa - Thảo_Địa	Anh - Dũng_AV	Sinh - K.Hương	Hóa - P.Tâm	Sinh - Tâm_Sinh
	4	Anh - Hoang Anh	Địa - Tiến	Văn - Hường	Anh - Đạt	Anh - Hồng	Lí - Yên	Anh - Dũng_AV	GDCD - Nhung_GDCD	Sử - Lộc	Hóa - P.Tâm
	5										
4	1	Sử - Hải	Văn - Chi_Van	Lí - Ngọc_VL	Văn - Nhân	Địa - Hner	Văn - Lan	GDCD - Nhung_GDCD	Văn - M.Hương	Lí - Lý	Hóa - P.Tâm
	2	Lí - Sơn	Văn - Chi_Van	Lí - Ngọc_VL	Anh - Đạt	Toán - Tuấn_Toán	Văn - Lan	Sử - Lộc	Văn - M.Hương	Địa - Hner	Lí - Hào
	3	Lí - Sơn	Sinh - Tâm_Sinh	Địa - Tiến	Anh - Đạt	Toán - Tuấn_Toán	Anh - Hoa	Văn - Nhân	Địa - Hner	Hóa - P.Tâm	Lí - Hào
	4	Địa - Tiến	Lí - Ngọc_VL	Sử - Lộc	Toán - Tuấn_Toán	Văn - My	Địa - Thảo_Địa	Văn - Nhân	CNghệ - Lý	GDCD - Nhung_GDCD	Anh - Tâm_AV
	5	Văn - My	Hóa - L.Hoàng	GDCD - Nhung_GDCD	Địa - Thảo_Địa	Lí - Dũng_VL	Toán - Tuấn_Toán	Toán - Khiết	Lí - Lý	Anh - Ngân	Địa - Hner
5	1	Toán - Nhi_Toan	Lí - Ngọc_VL	Toán - Trang_Toán	CNghệ - Hưng	Địa - Hner	CNghệ - Yên	Hóa - Đ.Hoàng	Hóa - P.Tâm	CNghệ - Lý	Toán - L.Thủy
	2	Toán - Nhi_Toan	Anh - Hoang Anh	Anh - Phong	Sử - Lương	Toán - Tuấn_Toán	Sử - Lộc	CNghệ - Yên	Toán - Thái	Sinh - Lành	Toán - L.Thủy
	3	Anh - Hoang Anh	Toán - Nhi_Toan	Anh - Phong	Lí - Dũng_VL	Toán - Tuấn_Toán	Lí - Yên	Văn - Nhân	Toán - Thái	Lí - Lý	Hóa - P.Tâm
	4	Sinh - Lành	Toán - Nhi_Toan	Địa - Tiến	Văn - Nhân	Lí - Dũng_VL	Toán - Tuấn_Toán	Toán - Khiết	Lí - Lý	Hóa - P.Tâm	Địa - Hner
	5										
6	1	Lí - Sơn	GDCD - Nhung_GDCD	Lí - Ngọc_VL	Hóa - B.Tâm	Sinh - Lành	Hóa - Đ.Hoàng	Địa - Thảo_Địa	Toán - Thái	Văn - Lan	Văn - Chi_Van
	2	Sinh - Lành	Lí - Ngọc_VL	CNghệ - Tịch	Toán - Tuấn_Toán	Văn - My	GDCD - Nhung_GDCD	Văn - Nhân	Toán - Thái	Văn - Lan	CNghệ - Hưng
	3	Toán - Nhi_Toan	Văn - Chi_Van	Toán - Trang_Toán	Văn - Nhân	Hóa - Đ.Hoàng	Toán - Tuấn_Toán	Anh - Dũng_AV	Hóa - P.Tâm	Toán - Thái	Toán - L.Thủy
	4	Toán - Nhi_Toan	Hóa - L.Hoàng	Toán - Trang_Toán	Văn - Nhân	Sử - Hải	Toán - Tuấn_Toán	Hóa - Đ.Hoàng	Hóa - P.Tâm	Toán - Thái	Toán - L.Thủy
	5	Hóa - Uyên	Toán - Nhi_Toan	Hóa - L.Hoàng							
7	1	Hóa - Uyên	CNghệ - Tịch	Sinh - Tâm_Sinh	Toán - Tuấn_Toán	Anh - Hồng	Hóa - Đ.Hoàng	Sinh - K.Hương	Văn - M.Hương	Anh - Ngân	Văn - Chi_Van
	2	CNghệ - Tịch	Sinh - Tâm_Sinh	Hóa - L.Hoàng	Toán - Tuấn_Toán	Anh - Hồng	Anh - Hoa	Anh - Dũng_AV	Lí - Lý	Anh - Ngân	Văn - Chi_Van
	3										
	4										
	5										

THPT Buôn Ma Thuột
Năm học 2018 - 2019
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Số 8

BUỔI SÁNG

Thực hiện từ ngày 01 tháng 04 năm 2019

THỨ	TIẾT	12B8 (Tâm_AV)	12B9 (Thành)	12B10 (Giang)							
2	1	ChCờ - Tâm_AV	ChCờ - Thành	ChCờ - Giang							
	2	SHL - Tâm_AV	SHL - Thành	SHL - Giang							
	3	Văn - M.Hương	Lí - Tâm_VL	Anh(Pháp) - Giang, Phong							
	4	Văn - M.Hương	Toán - Thành	Anh(Pháp) - Giang, Phong							
	5	Lí - Hào	Toán - Thành	Địa - Thảo_Địa							
3	1	Hóa - B.Tâm	Toán - Thành	Toán - L.Thủy							
	2	Sinh - Cường	Toán - Thành	Toán - L.Thủy							
	3	Toán - Thành	GDCD - Nhung_GDCD	Văn - Minh_Văn							
	4	Toán - Thành	Địa - Thảo_Địa	Văn - Minh_Văn							
	5										
4	1	Lí - Hào	Văn - Minh_Văn	Hóa - B.Tâm							
	2	Địa - Tiến	Hóa - B.Tâm	Lí - Tâm_VL							
	3	Hóa - B.Tâm	Lí - Tâm_VL	Anh(Pháp) - Giang, Phong							
	4	Sử - Hải	CNghệ - Hưng	Anh(Pháp) - Giang, Phong							
	5	CNghệ - Hưng	Anh - Tâm_AV	Sinh - Cường							
5	1	Địa - Tiến	Hóa - B.Tâm	GDCD - Nhung_GDCD							
	2	GDCD - Nhung_GDCD	Hóa - B.Tâm	Văn - Minh_Văn							
	3	Anh - Tâm_AV	Văn - Minh_Văn	Hóa - B.Tâm							
	4	Anh - Tâm_AV	Văn - Minh_Văn	CNghệ - Hưng							
	5										
6	1	Toán - Thành	Anh - Tâm_AV	Văn - Minh_Văn							
	2	Toán - Thành	Anh - Tâm_AV	Lí - Tâm_VL							
	3	Hóa - B.Tâm	Lí - Tâm_VL	Sử - Hải							
	4	Anh - Tâm_AV	Sinh - Cường	Địa - Thảo_Địa							
	5										
7	1	Lí - Hào	Địa - Thảo_Địa	Toán - L.Thủy							
	2	Văn - M.Hương	Sử - Hải	Toán - L.Thủy							
	3										
	4										
	5										